

Bản án số: 14/2024/HS-ST

Ngày: 16/01/2024

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc San Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Lệ Thu;
2. Ông Nguyễn Đình Rành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thuý Loan – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 246/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Hoàng H (tên gọi khác: Không), giới tính: N; sinh năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: B, Khu phố C, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; là con ông Võ Thành L, sinh năm 1957 và bà Trần Thị T, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Quyết định số 134/QĐ-TA ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng.

Nhân thân: Bản án số 134/2009/HSST ngày 23/7/2009 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 16/7/2010 của Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở chữa bệnh thời gian 24 tháng; Quyết định số 397/QĐ-TA ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**Những người tham gia tố tụng:**

*Bị hại:* Ông Nguyễn Được E, sinh năm 1985; địa chỉ: Số D (số M) Nguyễn Văn Q, Tổ B, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

-Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1990; địa chỉ: Số C L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 18/12/2022, Võ Hoàng H đi bộ từ nhà số D (hẻm A) N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, ra đường N để mua thuốc lá. Khi đi ngang nhà trọ của anh Đ Em, H thấy cửa chính đang mở. H nhìn vào bên trong thấy vợ chồng anh Được E nằm ngủ say, bên cạnh có 02 điện thoại đang cắm sạc pin. H lén lút đi vào nhà, lấy trộm 01 điện thoại hiệu OPPO F11 Pro 128GB màu đen và 01 điện thoại hiệu OPPO F1S 4G/32GB màu vàng, rồi tẩu thoát ra đường N. Hiếu kiểm tra 02 điện thoại vừa trộm cắp được thì chỉ có điện thoại OPPO F11 Pro có khóa màn hình. H bấm thử mật khẩu 000000 thì mở được màn hình. H tiếp tục kiểm tra điện thoại thì thấy có ứng dụng Internet Banking của Ngân hàng V. H kích hoạt ứng dụng và bấm vào mục quên mật khẩu. Lúc này, Ngân hàng V gửi mã OTP vào điện thoại OPPO F1S mà H đã trộm cắp được của anh Đ Em. H nhập mã OTP vào ứng dụng Internet Banking, sau đó đổi mật khẩu mới là B123456s# và đăng nhập vào tài khoản ngân hàng. Trong tài khoản ngân hàng có 44.050.297 đồng, nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này. Do không có tài khoản ngân hàng, nên H gọi điện thoại cho Nguyễn Thanh P (bạn của H), H nói với P là vừa mượn được tiền từ anh của H và kêu P gửi số tài khoản ngân hàng của P để anh của H chuyển tiền, đồng thời hứa sẽ trả số tiền 4.000.000 đồng mà H đã nợ P trước đó. P đồng ý. P gửi số tài khoản 1908610811017 mở tại Ngân hàng T1 qua cho H. H sử dụng ứng dụng Internet Banking chuyển số tiền 44.000.000 đồng trong tài khoản của anh Nguyễn Được E sang tài khoản ngân hàng của P. Sau khi P thông báo đã nhận được tiền, H đón xe ôm qua gặp P tại Quận D rồi cùng P đến trụ ATM đặt trước Ngân hàng T1 địa chỉ số A K, Phường D, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh để rút tiền. P rút 40.000.000 đồng đưa cho H, còn lại 4.000.000 đồng trong tài khoản là tiền H trả nợ cho P. Sau đó, P đã chuyển 4.000.000 đồng vào tài khoản ví Momo của P số 0909463236. Sau khi có được số tiền 40.000.000 đồng, H đem vứt 02 điện thoại đã trộm cắp được của anh Được Em tại bãi cỏ ở Công viên Khu chế xuất T,

đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền 40.000.000 đồng H đã tiêu xài cho mục đích cá nhân hết.

Kết luận định giá số 132/KL – HĐĐGTTTHS ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận G, kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro 128 GB, đã qua sử dụng, có giá trị 2.200.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S 4G/32GB, đã qua sử dụng, có giá trị 930.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 2.930.000 đồng

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1, Võ Hoàng H đã khai nhận hành vi phạm tội.

*Vật chứng thu giữ:*

- Thu giữ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), do anh Nguyễn Thanh P giao nộp cho Cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã nhập vào Kho bạc Nhà nước Q2.

*Về dân sự:*

- Bị hại, anh Nguyễn Được E yêu cầu bồi thường tổng số tiền 46.930.000 đồng, bao gồm: 44.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng V và 2.930.000 đồng là giá trị của 02 điện thoại di động bị chiếm đoạt không thu hồi được

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Thanh P đã nộp lại cho Cơ quan Công an số tiền 4.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thiệt hại

Bản cáo trạng số 206/CTr-VKSQ7 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Võ Hoàng H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a, khoản 1 Điều 290; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Võ Hoàng H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa, bị cáo vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét tại phiên tòa, bị cáo vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

- Võ Hoàng H thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản gồm 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro 128GB, đã qua sử dụng, có giá trị 2.200.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S 4G/32GB, đã qua sử dụng, có giá trị 930.000 đồng của anh Nguyễn Được E và chị Huỳnh Thị M một cách trái pháp luật. Hành vi của Võ Hoàng H cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bị cáo Võ Hoàng H thực hiện hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản ngân hàng V của anh Nguyễn Được E nhằm chiếm đoạt số tiền 44.000.000 đồng một cách trái pháp luật. Hành vi của Võ Hoàng H cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 290 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, và xâm phạm trực tiếp đến tài sản sở hữu hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội vì vậy xét cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự mới có tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và ngăn ngừa chung trong xã hội

[4] Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo (theo công văn số 97/TB-PC11A ngày 08/01/2024 của Trại tạm giam Chí H1 là bệnh lao phổi kháng thuốc), nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng:

- Thu giữ số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), do anh Nguyễn Thanh P giao nộp cho Cơ quan Công an. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã nhập vào Kho bạc Nhà nước Q2. Đây là số tiền rút từ tài khoản của bị hại là ông Nguyễn Được E nên trả lại cho ông Nguyễn Được E.

[6] Trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn Được E yêu cầu bồi thường tổng số tiền 46.930.000 đồng, bao gồm: 44.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng V và 2.930.000 đồng là giá trị của 02 điện thoại di động bị chiếm đoạt không thu hồi được. Ông E sẽ nhận lại 4.000.000 đồng do ông P tự nguyện giao nộp, bị cáo H đồng ý bồi thường cho ông E số tiền 42.930.000 đồng, thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Nguyễn Thanh P đã nộp lại cho Cơ quan Công an số tiền 4.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Võ Hoàng H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm a khoản 1 Điều 290, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Võ Hoàng H 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2023.

2. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho ông Nguyễn Được E 4.000.000 (bốn triệu) đồng (Theo Lệnh thanh toán số tham chiếu 2320410303641344 ngày 16/10/2023 của Ngân hàng N1 – chi nhánh N2)

- Bị cáo Võ Hoàng H phải bồi thường cho ông Nguyễn Được E số tiền là 42.930.000 (Bốn mươi hai triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng, thi hành một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 4.146.500 (bốn triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS ( TK Loan ).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ngọc San Hà**